

BÁO CÁO

Tình hình công tác tháng 4 Và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2015

Tháng 4, một số nơi trên địa bàn tỉnh có mưa rải rác làm giảm nắng nóng và độ mặn tại các cống đầu mối; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng và đàn vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; nông dân thu hoạch lúa Đông Xuân theo tiến độ và xuống giống lúa Hè Thu tập trung theo lịch thời vụ. Tuy nhiên, dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn gây áp lực cho việc phát triển đàn vật nuôi; thời tiết không ổn định, tác động đến môi trường nuôi thủy sản nên tỷ lệ thiệt hại tăng so với tháng trước và tiến độ thả nuôi chậm so với cùng kỳ; giá tôm sú, tôm thẻ giảm mạnh gây khó khăn cho sản xuất. Nhưng với sự tập trung chỉ đạo của các ngành, các cấp, sản xuất nông nghiệp tiếp tục có bước phát triển, các công tác chuyên môn thực hiện đạt theo kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

1. Nông nghiệp:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Thu hoạch lúa Đông Xuân 25.854 ha, nâng tổng số đến nay 58.652 ha, đạt 85,14% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 6,62 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,32 tấn/ha. Duy trì 21 mô hình cánh đồng mẫu lớn, diện tích 3.875 ha, thu hoạch 3.797 ha, năng suất trung bình 7,5 tấn/ha (cao hơn ngoài mô hình 0,88 tấn/ha); thực hiện liên kết với Công ty lương thực Trà Vinh tiêu thụ được 2.564 tấn. Vụ Hè Thu xuống giống 13.495 ha, đạt 15,5% kế hoạch (chậm hơn cùng kỳ 2.115 ha). Do trà lúa Đông Xuân đang trong giai đoạn chín đến thu hoạch, lúa Hè Thu mới xuống giống nên diện tích nhiễm các loại sâu bệnh không đáng kể (359 ha), mức độ gây hại nhẹ.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.949 ha, nâng tổng số đến nay 29.266 ha, đạt 45% kế hoạch năm (tương đương cùng kỳ), cụ thể: Màu lương thực 4.296 ha, màu thực phẩm 13.845 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 11.126 ha.

b) Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi tương đối ổn định. Nhờ chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên trong tháng qua bệnh cúm gia cầm, bệnh LMLM gia súc và bệnh tai xanh trên heo được kiểm soát; các loại dịch bệnh khác xảy ra với quy mô nhỏ lẻ, thiệt hại không đáng kể.

2. **Diêm nghiệp:** Có 215 hộ sản xuất, với diện tích 163,2 ha (giảm 30 ha so cùng kỳ), sản lượng thu hoạch 3.953 tấn, tiêu thụ 2.000 tấn với giá bán từ 28.000-30.000 đồng/giạ (giảm 5.000 đồng/giạ so với tháng trước). Năng tổng số đến nay

thu hoạch 6.649 tấn, tiêu thụ 2.300 tấn, lượng muối còn tồn trong diêm dân khoảng 4.349 tấn. Nguyên nhân, do vào vụ thu hoạch rộ, chủ yếu tiêu thụ nội tỉnh phục vụ sản xuất nước đá và ướp cá; chưa liên kết được các đầu mối tiêu thụ.

3. Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 4.523 ha, thu hoạch 5.554 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 27.607 ha, đạt 60,15% kế hoạch, giảm 7.668 ha so cùng kỳ; thu hoạch 16.744 tấn, đạt 13,7% kế hoạch, giảm 1.915 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 295,8 triệu con tôm sú giống (2.297 ha), 372,4 triệu con tôm chân trắng (656 ha), 12,3 triệu con cua biển (1.464 ha); thu hoạch 1.398 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,13 tỷ con tôm sú giống (15.750 ha), 927,3 triệu con tôm chân trắng (1.739 ha), 54,5 triệu con cua biển (9.807 ha), 170 tấn nghêu giống (22 ha); thu hoạch 4.368 tấn (1.136 tấn tôm sú, 2.179 tấn tôm chân trắng, 991 tấn cua biển,...). Do thời tiết thay đổi, môi trường nước không ổn định, nhiệt độ nước giữa ngày và đêm chênh lệch lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, có biểu hiện bệnh đốm trắng, gan tụy làm thiệt hại 83 triệu con tôm sú giống (7,36%), diện tích 1.261 ha; 147,4 triệu con tôm thẻ chân trắng (15,9%), diện tích 269 ha.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 13,2 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 121 ha; thu hoạch 4.184 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 36,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 303 (22 triệu con cá lóc, diện tích 85,4 ha); thu hoạch 12.376 tấn (8.210 tấn cá lóc, 651 tấn cá tra, 216 tấn tôm càng xanh, ...), đạt 18,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.658 tấn.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 1.196 tàu khai thác hải sản được đăng ký, tổng công suất 83.443 CV (193 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Sản lượng khai thác trong tháng 6.331 tấn (617 tấn tôm), nâng tổng số đến nay 23.972 tấn (3.897 tấn tôm), đạt 28,9% kế hoạch, tăng 4,2% so cùng kỳ, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 613 tấn (231 tấn tôm), nâng tổng số đến nay 3.369 tấn (1.335 tấn tôm), đạt 23,2% kế hoạch, giảm 4,3% so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 5.718 tấn (617 tấn tôm), nâng tổng số đến nay 20.603 tấn (2.561 tấn tôm), đạt 30% kế hoạch, tăng 5,7% so cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.006 tấn (77 tấn tôm sú), chế biến 757 tấn, tiêu thụ 712 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,4 triệu USD. Nâng tổng số đến nay, các doanh nghiệp thu mua 1.977 tấn (139 tấn tôm sú), chế biến 1.323 tấn, tiêu thụ 1.109 tấn, kim ngạch xuất khẩu 5,15 triệu USD.

II. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH

1. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi:

- Ngành nông nghiệp chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường công tác dự tính, dự báo; kiểm tra tình hình sâu bệnh nhất là các đối tượng có nguy cơ bộc phát cao như chuột gây hại, rầy nâu, bệnh cháy lá; tổ chức 127 cuộc vận động phòng trị chuột đồng loạt trên diện rộng với 7.588 lượt nông dân, đặt 270kg thuốc diệt chuột, quản lý 500 ha lúa Đông Xuân. Nâng tổng số đến nay đã sử dụng 3.363 kg thuốc diệt chuột (thuốc sinh học Biorat 2.722 kg), bảo vệ được

12.525 ha lúa tại các huyện Châu Thành, Trà Cú và Cầu Ngang. Qua kiểm tra, đánh giá hiệu quả phòng trị đạt từ 80-90%. Thực hiện chương trình cùng nông dân bảo vệ môi trường tổ chức ra quân thu gom 383 kg rác thải là bao bì thuốc bảo vệ thực vật tiêu hủy. Tuyên truyền vận động cây ải, vệ sinh đồng ruộng, xuống giống lúa vụ Hè Thu theo lịch thời vụ. Chọn được 03 điểm (07 ha) thực hiện mô hình phòng trừ chổi rồng hại nhãn tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè. Kiểm tra tình hình bệnh đốm nâu trên cây thanh long, kết quả có 7,3 ha bị bệnh, tỷ lệ từ 1-15%, cán bộ kỹ thuật hướng dẫn phòng trị theo quy trình.

- Tiêm vaccine cúm cho 1,23 triệu con gia cầm, vaccine đại chó, mèo 1.302 con, vaccine thường xuyên cho 60 ngàn con gia súc; kiểm dịch 350 ngàn con gia cầm, 9,4 ngàn con gia súc, 85 tấn thịt gia súc và 3 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay, tiêm phòng vaccine cúm 2,5 triệu con gia cầm (gà 830 ngàn con, vịt 1,6 triệu con), vaccine thường xuyên cho 176 ngàn con gia súc (dịch tả 62 ngàn con; tụ huyết trùng 57 ngàn con; phó thương hàn 56 ngàn con); kiểm dịch 887 ngàn con gia cầm, 25 ngàn con gia súc, 197 tấn thịt gia súc và 09 triệu trứng gia cầm.

- Kiểm dịch 55,8 triệu con tôm sú giống, 73,7 triệu con tôm chân trắng, cấp 142 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 06 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; cấp 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản; thực hiện 08 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 114,15 triệu con tôm sú giống, 233,9 triệu con tôm thẻ chân trắng, cấp 347 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 96 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 17 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản; thực hiện 49 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 22 mẫu nước phục vụ nuôi thủy sản.

2. Công tác lâm sinh:

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ngành liên quan Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020. Xây dựng dự toán thi công công trình trồng rừng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng năm 2015; tiếp tục xây dựng Phương án trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2015 và Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán giai đoạn 2016-2020. Hoàn thành nghiệm thu công trình chăm sóc, bảo vệ, khoanh nuôi rừng thuộc Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014-2018. Vệ sinh phòng cháy 117 ha rừng; thực hiện 84 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 02 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thực hiện vệ sinh phòng cháy 253 ha rừng; thực hiện 199 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

3. Công tác chuyên giao ứng dụng khoa học kỹ thuật:

- Kết hợp Đài Phát thanh Truyền hình thực hiện 01 chuyên mục “Kỹ thuật chăm sóc và quản lý tôm giai đoạn 02 tháng tuổi”; tổ chức 01 cuộc hội thảo mô hình “trồng đậu phộng” cho 50 lượt người dự. Nâng tổng số đến nay thực hiện 04 chuyên mục, 01 phóng sự, 05 bản tin thời sự và 01 cuộc tọa đàm; 04 cuộc cho 152 người tham dự; cấp phát 150 quyển sổ tay khuyến nông khuyến ngư năm,

235 quyển tài liệu, 44 bộ tranh công cụ, 950 tờ tài liệu bướm và 48 đĩa kỹ thuật các loại.

- Tổ chức 54 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng ớt chỉ thiên, chăn nuôi bò, nuôi tôm thẻ chân trắng, tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 1.563 lượt người; xây dựng 22 công trình khí sinh học; phân công cán bộ về địa phương trực tiếp tư vấn kỹ thuật cho 686 nông hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 68 lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi tôm chân trắng cho 1.913 lượt người; xây dựng 74 công trình khí sinh học; trực tiếp tư vấn kỹ thuật cho 1.006 lượt nông hộ.

- Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: trồng thanh long ruột tím, ruột hồng; trồng lan cắt cành; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi tôm thẻ, tôm sú theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi hàu treo giàn bè trên sông.

4. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 64 công trình thủy lợi nội đồng, với tổng chiều dài 45.278 m, khối lượng đất đào đắp 148.3274 m³. Nâng tổng số đến nay thực hiện được 91 công trình thủy lợi nội đồng, với tổng chiều dài 61.948 m, khối lượng đất đào đắp 198.991 m³, đạt 14,5% kế hoạch.

- Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đạt khoảng 85% khối lượng công việc.

- Triển khai thực hiện công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015, hạng mục duy tu bảo dưỡng đoạn đê từ cống Phú Thứ đến cống Cá Trê, huyện Cầu Ngang.

- Tổ chức 20 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 05 trường hợp vi phạm. Lũy kể đến nay tổ chức 61 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 27 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã xử lý theo quy định.

5. Công tác xây dựng cơ bản:

Hoàn tất thủ tục triển khai thực hiện 04 dự án khởi công mới, tiếp tục thực hiện 13 dự án chuyển tiếp (09 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 02 công trình phục vụ sản xuất lúa, màu, 05 công trình đê, kè; 01 công trình dân dụng). Giải ngân 78 tỷ đồng, nâng tổng số đến nay giải ngân 115,67 tỷ đồng.

6. Sản xuất và cung ứng giống:

- Giống nông nghiệp:

+ Giống cây trồng: Khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 03 bộ giống (A₀, A₁, Trà Vinh), diện tích 0,6 ha, kết quả chọn ra các giống OM 343, OM 3673, OM 337, OM 340... Tổ chức nhân giống lúa, diện tích 22 ha trên địa bàn huyện Càng Long, đã thu hoạch, năng suất trung bình 8,5 tấn/ha; tiếp tục nhân giống 01 ha bưởi da xanh tại huyện Châu Thành; tổ chức sản xuất 17 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 12 ha), đã thu hoạch, năng suất trung bình 6,5 tấn/ha. Cung ứng 8,2 tấn lúa giống và 464 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 17,8 tấn lúa giống (0,5 tấn nguyên chủng) và 938 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Tập trung chăm sóc 44 con bò giống và bê con, (34 con bò cái sinh sản, 02 con bò đực giống, 8 con bê); cải tạo đất, bón phân, chăm sóc 01 ha cỏ làm thức ăn tươi cho đàn bò.

- Giống thủy sản: Thực hiện các mô hình: “sinh sản lươn đồng bằng phương pháp bán nhân tạo” thu được 12 ngàn con lươn bột; “ương cua tiêu lên cua me trong giai”, đã thả và chăm sóc con giống; hoàn chỉnh đề cương “mô hình sản xuất giống cá rô phi đã qua chọn lọc bằng phương pháp xử lý đơn tính”; chuẩn bị sản xuất giống cá lóc, tôm càng xanh toàn đực. Sản xuất 02 triệu con tôm sú giống; điều tiết cung ứng 0,5 triệu con post tôm thẻ, 0,7 con tôm post tôm sú. Nâng tổng số đến nay sản xuất 6,8 triệu con tôm sú giống; điều tiết, cung ứng 0,7 triệu con post tôm thẻ, 1,1 triệu con post tôm sú.

7. Công tác phát triển nông thôn:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 376 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn ấp, hộ nông thôn mới cho 6.679 lượt người là hộ dân và đoàn thể của địa phương; phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình thực hiện 02 phóng sự về xây dựng nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức được 714 cuộc tuyên truyền lồng ghép với 22.608 lượt người là hộ dân và đoàn thể của địa phương; phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình thực hiện 05 phóng sự về xây dựng nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới đối với 85 xã: Có 15 xã đạt 19 tiêu chí; 02 xã đạt 15-18 tiêu chí; 37 xã đạt 10-14 tiêu chí; 31 xã đạt 5-9 tiêu chí.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn: Gồm vốn sự nghiệp 4,9 tỷ đồng hỗ trợ phát triển sản xuất cho 17 xã điểm, đến nay có 3 xã đã triển khai thực hiện, 08 xã đang lập kế hoạch, 06 xã chưa có kế hoạch thực hiện. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản 68 tỷ đồng, hỗ trợ cho 34 xã thực hiện 62 công trình (45 công trình đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 42.843m, 02 trường học, 10 nhà văn hóa; 02 công trình nâng cấp chợ, trạm y tế; 03 sân vận động), đến nay có 4 công trình giao thông nông thôn đã hoàn thành hồ sơ chuẩn bị khởi công, các công trình còn lại đang lập và điều chỉnh kế hoạch trình phê duyệt.

- Công tác sắp xếp bố trí dân cư: Trình thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, bàn giao mặt bằng lô 1 dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; Phối hợp địa phương bàn phương án, giải pháp bồi hoàn, giải phóng mặt bằng, tổ chức họp dân lấy ý kiến phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần; Phê duyệt kết quả chỉ định thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa.

- Phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã (HTX): Tổ chức 08 lớp tập huấn thành lập mới tổ hợp tác, 01 lớp củng cố HTX cho 260 người trên địa bàn các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành và Cầu Ngang. Kết hợp hỗ trợ HTX Măng cụt xã An Phú Tân (Cầu Kè) hoàn thành thủ tục chuẩn bị Đại hội thường

niên, hỗ trợ thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm với siêu thị Co.op Mart Trà Vinh. Hướng dẫn HTX Thành Công, xã Mỹ Long Nam (Cầu Ngang) tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động trình Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét tặng kỷ niệm chương “vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn”.

- Phát triển ngành nghề nông thôn: Dự lễ công nhận 2 làng nghề dệt chiếu xã Hàm Tân và tiểu thủ công nghiệp xã Hàm Giang huyện Trà Cú, nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 12 làng nghề được UBND tỉnh công nhận. Khảo sát, hỗ trợ lập hồ sơ công nhận làng nghề gốm đẹp xã Nhị Trường, bó chổi xã Tân Hòa, bánh tráng xã Nguyệt Hóa và sản xuất muối xã Dân Thành.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sinh hoạt và VSMTNT: Quyết toán dự án nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Ngọc Biên, tiếp tục thực hiện 03 dự án chuyển tiếp (xây dựng nhà máy nước sạch xã Trường Long Hòa, xây dựng nhà máy nước sạch xã Tân Sơn, nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Nhị Long Phú), khối lượng thực hiện đạt trên 80%; khởi công dự án xây dựng nhà máy nước sạch thị trấn Định An, duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Đức Mỹ. Đến nay, đã giải ngân 7,75 tỷ đồng, đạt 37,3% kế hoạch năm. Trong tháng, lắp đặt cho 855 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư và cung cấp, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay đã lắp đặt cho 72.392 hộ sử dụng nước máy.

8. Quản lý Nhà nước chuyên ngành:

- Quản lý chất lượng nông - lâm - thủy sản: Thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 114 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, thủy sản và 06 tàu cá, kết quả 07 cơ sở vi phạm, 09 cơ sở ngưng hoạt động; cấp 18 giấy chứng nhận, xác nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, đủ kiến thức an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 60 mẫu. Nâng tổng số đến nay kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; đánh giá phân loại 124 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, thủy sản, vật tư nông nghiệp và 18 tàu cá, kết quả xếp loại có 43 loại A, 51 loại B, 36 loại C, 12 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; cấp 33 giấy chứng nhận, xác nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, kiến thức an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 182 mẫu (42 mẫu nông sản, 140 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 69 tàu cá (01 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 07 tàu, đăng ký 07 tàu, xóa bộ 10 tàu, cấp 27 số danh bạ (102 thuyền viên), cấp 72 giấy phép khai thác thủy sản, 04 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 201 tàu cá (07 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 26 tàu, đăng ký 39 tàu, xóa bộ 20 tàu, cấp 88 số danh bạ (392 thuyền viên), cấp 176 giấy phép khai thác thủy sản, 120 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU.

+ Tổ chức thu phí 1.630 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.882 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 113,3 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 3.745 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 5.001 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 221,7 triệu đồng.

- Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 28 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản cho 838 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 95 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản cho 2.997 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra 30 lượt tàu cá, 25 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, kinh doanh sản phẩm động vật; thu, phân tích, kiểm tra chất lượng 22 mẫu thức ăn chăn nuôi, phân bón, lúa giống; quyết định xử phạt 03 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thanh, kiểm tra 200 lượt tàu cá, 50 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản, sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, giống lúa, sản phẩm động vật, 12 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu, phân tích, kiểm tra chất lượng 37 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, lúa giống; quyết định xử phạt 24 trường hợp vi phạm.

9. Các công tác khác:

- Tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành và địa phương dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về việc phê duyệt định mức hỗ trợ cụ thể trong thực hiện chính sách phát triển hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh và chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ.

- Hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu trình Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai và Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy Nghị quyết về lãnh đạo phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2020.

- Tổ chức ký kết quy chế phối hợp với địa phương và triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

- Triển khai lập Dự án Quy hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020; Quy hoạch vùng sản xuất cây ăn trái trồng rải vụ trên địa bàn tỉnh; quy hoạch chế biến cá tra.

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 và báo cáo phục vụ Hội nghị tái cơ cấu ngành chăn nuôi vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Hoàn thành dự án đầu tư và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020 trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định
- Trình bổ sung địa điểm quy hoạch chăn nuôi tập trung tỉnh Trà Vinh.
- Đóng góp Văn kiện Đại hội của các huyện, đảng bộ, Thành ủy nhiệm kỳ 2016-2020.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được:

- Có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi và trên cây trồng, tiếp tục được kiểm soát.
- Công tác khuyến nông được tăng cường, diện tích sản xuất lúa áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được mở rộng, tỷ lệ sử dụng giống cấp xác nhận được nâng lên góp phần tăng năng suất, sản lượng lúa.
- Thời tiết biến thuận lợi, ngư dân tập trung ra khơi đánh bắt thủy - hải sản đạt sản lượng khá và cao hơn cùng kỳ.
- Công tác chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành từng bước đi vào chiều sâu, triển khai thực hiện có hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, chi phí đầu vào ở mức cao, bên cạnh đó, phần lớn nông hộ không có khả năng đầu tư chăn nuôi quy mô lớn nên tình hình chăn nuôi chưa có hướng phát triển.
- Việc chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng màu và kết hợp nuôi thủy sản ở một số địa phương chậm báo cáo.
- Thời tiết không ổn định, môi trường nuôi biến động dẫn đến tiến độ thả nuôi tôm sú, tôm thẻ chậm so cùng kỳ.
- Thị trường tiêu thụ cá tra, cá lóc không ổn định, giá cả sụt giảm, nông dân không mạnh dạn thả nuôi trở lại nên diện tích, sản lượng giảm đáng kể.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 5 NĂM 2015

1. Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Chỉ đạo đơn vị chuyên môn hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa Hè Thu mới xuống giống, tuyên truyền, vận động nông dân xuống giống theo khung lịch thời vụ, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị kịp thời các loại sâu, bệnh gây hại đặc biệt là trên trà lúa non.
- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân, triển khai xuống giống cây màu vụ mùa năm 2015, khuyến khích mở rộng diện tích rau an toàn và các loại cây màu có giá trị kinh tế cao.

- b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm:* Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và quản lý vịt chạy đồng, đặc biệt là những nơi đã xảy

ra dịch, những vùng có nguy cơ cao và ổ dịch cũ; tiếp tục thực hiện công tác tiêm phòng cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, các loại vaccine thường xuyên trên heo và bệnh dại chó mèo. Tổ chức thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi và Kế hoạch phòng, chống bệnh dại; kết hợp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh tại các chốt cố định và lưu động.

c) *Thủy sản*: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn các huyện kiểm tra chặt chẽ tình hình sản xuất giống thủy sản, nhất là tình hình sản xuất và nhập tỉnh tôm sú, tôm chân trắng; tăng cường cán bộ bám sát địa bàn nuôi tôm tập trung để kịp thời ứng phó với tình hình diễn biến thời tiết, dịch bệnh có thể xảy ra; tổ chức tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật trong nuôi thủy sản và triển khai Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP), quản lý giống thủy sản và vật tư đầu vào phục vụ cho nuôi thủy sản. Thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường, thu mẫu giáp xác, thu mẫu bệnh phẩm ở các tuyến sông đầu nguồn đại diện cho vùng nuôi.

d) *Công tác nông thôn mới*: Nghe báo cáo nhu cầu vốn đầu tư cho 12 xã điểm xây dựng nông thôn mới để hoàn thành các tiêu chí còn lại trong năm 2015; Hỗ trợ 02 xã An Trường, Mỹ Long Bắc hoàn chỉnh thủ tục đề nghị công nhận xã nông thôn mới; Hoàn chỉnh đề án nông thôn mới cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận; Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch.

2. Công tác chuyên môn:

- Kết hợp đơn vị tư vấn triển khai lập Dự án Quy hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020; Quy hoạch vùng sản xuất cây ăn trái trồng rải vụ trên địa bàn tỉnh; quy hoạch chế biến cá tra.

- Hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu thủy sản và trồng trọt trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nhắc nhở các hộ nhận khoán trồng rừng năm 2014 trồng dặm đảm bảo mật độ; kiểm tra công tác gieo ươm và chăm sóc cây giống phục vụ công tác trồng rừng năm 2015; khảo sát thẩm định tia thưa rừng giống ấp Phước Thiện xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; trình phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020; hoàn chỉnh và phê duyệt Phương án trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2015 và xây dựng Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục thực hiện vệ sinh phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức tuyên truyền luật bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

- Kết hợp địa phương khẩn trương triển khai thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các cống đầu mối, theo dõi cao trình nước, chủ động tích nước ngọt, phòng, chống hạn, mặn, xì phèn; chỉ đạo vận hành cống phục vụ an toàn cho sản xuất và dân sinh.

- Tiếp tục sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập

trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản cho nông dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm trong sản xuất lúa, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng lớn; tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao.

- Tiếp tục chỉ đạo vận hành tốt 165 trạm cấp nước hiện có trên địa bàn tỉnh, thực hiện lắp đặt thêm 800 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh do ngành nông nghiệp cung cấp.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015.

- Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm 2014 và các công trình đầu tư mới năm 2015.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố; tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 4, kế hoạch tháng 5 năm 2015 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo./. *tr*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Ngọc Hải

BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/4/2015

STT	Cm tiêu	DVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	200.621	292.837	18.443	200.858	100,12%	68,59%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	174.202	235.050	14.087	174.659	100,26%	74,31%
	Cây lúa	Ha	171.260	227.900	13.495	171.592	100,19%	75,29%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.202,44	87.400		89.209,38	100,01%	102,07%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.202,44	87.400		89.209,38	100,01%	102,07%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,10	54,15		53,41	100,58%	98,64%
	- Sản lượng	tấn	473.706	473.271		476.506	100,59%	100,68%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.448	63.500		68.887,9	103,67%	108,48%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.113	63.500	25.854	58.651,8	92,93%	92,37%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	63,01	65,00	68,81	66,17	105,02%	101,80%
	- Sản lượng	tấn	397.675	412.750	177.895,0	388.102	97,59%	94,03%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	15.610	77.000	13.495	13.495	86,45%	17,53%
	- Năng suất	Tạ/ha		5,35				
	- Sản lượng	tấn		411.950				
	Cây màu	Ha	29.360,84	64.937,00	4.948,67	29.266,08	99,68%	45,07%
	Cây bắp					4.296		
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.941	7.150	592	3.066,83	104,27%	42,89%
	- Diện tích thu hoạch	"	1.876	7.150	506	1.737,52	92,64%	24,30%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,20	54,50	54,89	55,18	103,72%	101,25%
	- Sản lượng	Tấn	9.978	38.968	2.775	9.588	96,09%	24,60%
1.2.	Cây có củ	Ha	1.208,87	3.387	225	1.228,80	101,65%	36,28%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	648	1.516	116	668,57	103,16%	44,10%
	+ Diện tích thu hoạch	"	234	1.516	63	198,24	84,86%	13,08%
	+ Năng suất	Tạ/ha	132,60	165,49	133,27	132,50	99,92%	80,06%
	+ Sản lượng	Tấn	3.098	25.089	841	2.627	84,80%	10,47%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	360	1.071	92	372,06	103,22%	34,74%
	+ Diện tích thu hoạch	"	83	1.071	5	75,00	90,36%	7,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	114,70	143,19	122	115,60	100,79%	80,73%
	+ Sản lượng	Tấn	952	15.336	61	867	91,07%	5,65%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	200	800	17	188,17	93,92%	23,52%
	+ Diện tích thu hoạch	"	31	800	7,13	23,70	76,45%	2,96%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	13.700,70	36.230	1.858	13.844,53	101,05%	38,21%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	13.241	35.430	1.583	13.243,98	100,02%	37,38%
	+ Diện tích thu hoạch	"	11.126	35.430	786	10.326,18	92,81%	29,15%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	214,7	223,00	192,07	221,2	103,03%	99,19%
	+ Sản lượng	Tấn	238.875	790.089	15.093	228.415	95,62%	28,91%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	460	800	275	600,55	130,59%	75,07%
	+ Diện tích thu hoạch	"	141	800	29	135,32	95,97%	16,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	128,9	16,50	110,30	132,6	102,90%	803,64%
	+ Sản lượng	Tấn	1.817	1.320	314	1.794	98,75%	135,94%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		10.282	14.740	1.687	9.806	95,37%	66,52%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.583	5.640	627	3.638,85	101,57%	64,52%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.895	5.640	580	1.797,12	94,82%	31,86%
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,50	53,75	45,92	47,80	107,42%	88,93%
	+ Sản lượng	Tấn	8.434	30.315	2.665	8.590	101,85%	28,34%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.409	6.300	887	4.971,45	91,90%	78,91%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.526	6.300	247	3.326,00	94,33%	52,79%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.077	1.120	879,60	1.083,90	100,69%	96,78%
	+ Sản lượng	Tấn	379.574	705.600	21.726	360.505	94,98%	51,09%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.290	2.800	173	1.195,40	92,70%	42,69%
	+ Diện tích thu hoạch	"	181	2.800	362	481,23	266,61%	17,19%
	+ Năng suất	Tạ/ha	87,80	98,00	98,11	98,65	112,36%	100,66%
	+ Sản lượng	Tấn	1.585	27.440	3.554	4.747	299,56%	17,30%
1.5	Cây trồng khác	"	1.228	3.430	586,4	1.320	107,49%	38,49%
	+ Cây hàng năm khác	Ha	1.121,60	3.280	503,8	1.215,52	108,37%	37,06%
	+ Dây thuốc cá	"	106,60	150	82,6	104,70	98,22%	69,80%
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	35.275,54	45.900	4.522,80	27.606,78	78,26%	60,15%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	602,69	5.000	105,58	288,33	47,84%	5,77%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi cá	"	557	3.500	104,78	286,62	51,45%	8,19%
	Trong đó: + Cá tra, cá bả sa	"	4	40	-	0,40	11,30%	1,00%
	Cá lóc	"	104	290	38,34	85,41	82,52%	29,45%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	46	1.500	0,40	1,60	3,50%	0,11%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	46	1.500	0,40	1,60	3,50%	0,11%
	- Diện tích nuôi khác	"			-			
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	34.672,85	40.900	4.417,22	27.318,5	78,79%	66,79%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	34.546,1	38.700,0	4.417,22	27.296,5	79,01%	70,53%
	Trong đó: + Tôm sú	"	16.681	19.900	2.296,70	15.750,4	94,42%	79,15%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.617	5.000	656,22	1.739,4	48,08%	34,79%
	+ Cua biển	"	14.248	13.800	1.464,30	9.806,6	68,83%	71,06%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	127	2.200	-	22	17,35%	1,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	41.658	204.925	11.884,73	40.716,0	97,74%	19,87%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	18.659	121.925	5.554,19	16.743,8	89,74%	13,73%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	14.034	65.500	4.155,44	12.375,7	88,18%	18,89%
	- Sản lượng cá	"	13.759	65.000	4.154,24	12.159,24	88,37%	18,71%
	Trong đó: cá tra, cá bả sa	"	2.491	15.500	185,00	651	26,13%	4,20%
	Cá lóc	"	8.100	29.500	2.853,75	8.210	101,36%	27,83%
	- Sản lượng giáp xác	"	237	500	1,20	216,5	91,16%	43,30%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	237	500	1,20	216,5	91,16%	43,30%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	38				0,00%	
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	4.624,6	56.425	1.398,75	4.368,0	94,45%	7,74%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	4.476,4	50.425	1.384,90	4.305,4	96,18%	8,54%
	Trong đó: + Tôm sú	"	435	14.925	430,40	1.136,0	261,16%	7,61%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.111	25.500	643,00	2.178,8	70,05%	8,54%
	+ Nuôi cua biển	"	931	10.000	311,50	990,7	106,42%	9,91%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	148	6.000	13,85	62,6	42,24%	1,04%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	22.999,41	83.000	6.330,54	23.972,18	104,23%	28,88%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	19.479,03	68.500	5.717,79	20.603,51	105,77%	30,08%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	9.768,2	27.000	2.521,75	9.725,9	99,57%	36,02%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	3.632,0	8.500	617,14	2.561,2	70,52%	30,13%
	Trong đó: - Tôm...	"	3.632,0				0,00%	

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- ...							
	+ SL nhiên thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loại ...	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	6.078,8	33.000	2.578,90	8.316,4	136,81%	25,20%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	3.520,38	14.500	612,75	3.368,7	95,69%	23,23%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.500	6.800	248,90	1.440,0	96,00%	21,18%
	- Tôm các loại	"	1.370	4.700	231,05	1.335,4	97,44%	28,41%
	- Nhiên thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	650	3.000	132,80	593,3	91,29%	19,78%